

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Sùng Thị Dung
2. Ông Cao Xuân Lâm.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020.

**1. Nguyên đơn:** Chị Giàng Thị H, năm sinh 1975

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Sần P, năm sinh 1972

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị H và anh Hoàng Sần P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên đi uống rượu về là chửi bới đánh đập chị H nhiều lần. Gần đây nhất, ngày 03/12/2019, anh P đánh chị H làm chị phải vào bệnh viện huyện S, tỉnh Lào Cai điều trị. Chị H và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H

yêu cầu Tòa án quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Sân P để đảm bảo cuộc sống riêng.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị H và anh P có hai con chung: Cháu Hoàng Thị C sinh ngày 19/12/1999, cháu Hoàng Thị D sinh ngày 11/5/2003, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu C đã trưởng thành và đã lập gia đình nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, anh P và chị H đã thỏa thuận: Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H đang làm ruộng, nương và chăn nuôi lợn, gà, thu nhập một tháng khoảng 4.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Chị Giàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi trị giá tài sản chung của chị và anh P gồm nhà đất, ruộng nương và hai con trâu. Tuy nhiên trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản của chị H.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân; Sổ hộ khẩu của chị H, anh P; Trích lục khai sinh của cháu C, cháu D; Đơn xin xác nhận; Giấy ra viện; Hóa đơn bán hàng; Giấy chứng nhận thương tích; Đơn đề nghị; Đơn đề nghị miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí.

2. Đề nghị của bị đơn: Anh Hoàng Sân P nhất trí với chị Giàng Thị H trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do những năm gần đây chị H đi chợ bán hàng, lúc đầu đi bán ở chợ nào chị H cũng nói với anh P và đi về trong ngày nhưng đến cuối năm 2019, chị H đi bán hàng ở đâu cũng không nói với anh P và có lần đi hai đến ba ngày có lần đi hàng tuần mới về, gọi điện thì không được nên anh chị xảy ra mâu thuẫn, xô sát và đánh nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa tôi và chị H vẫn còn, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị H nhất quyết ly hôn thì anh P cũng đồng ý.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh Hoàng Sân P nhất trí với chị H trình bày về con chung. Anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu C đã trưởng thành và đã lập gia đình nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Đơn đề nghị xác nhận nơi cư trú; Đơn đề nghị miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí.

### 3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

#### 3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1,2 điều 81; khoản 1,3 điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị H và anh Hoàng Sần P là vợ chồng.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Hoàng Thị D sinh ngày 11/5/2003 cho chị Giàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Sần P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị H và anh Hoàng Sần P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh P, nên việc yêu cầu xin ly

hôn của chị H và việc đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ của anh P là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh P là vợ chồng.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị H và anh P có hai con chung: Cháu Hoàng Thị C sinh ngày 19/12/1999, cháu Hoàng Thị D sinh ngày 11/5/2003, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện cháu C đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng, còn cháu D đang ở cùng chị H, cháu D có ý kiến xin được ở với chị H. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, anh P và chị H đã thỏa thuận: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận của địa phương thì anh P và chị H đều làm ruộng, nương và chăn nuôi lợn, gà, thu nhập một tháng khoảng 4.000.000 đồng, anh chị đều có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H và anh P đều vắng mặt, Tòa án không xác định được việc chị H và anh P có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó hay không, nên việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh P không yêu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị H và anh P.

[5] Về quan hệ tài sản, về quyền nghĩa vụ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận chị là người đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị của chị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản

1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị H và anh Hoàng Sần P là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Hoàng Thị D sinh ngày 11/5/2003 cho chị Giàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Sần P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
[HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**